

Bản án số: 39/2022/HS-ST

Ngày: 28/6/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Thái

- Ông Nguyễn Duy Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Tôn Đức Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2022/TLST-HS, ngày 03 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HS ngày 16/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, tên gọi khác: D Ba Sẹo; Sinh ngày: 20/02/1971; Nơi sinh: thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Tổ dân phố 06, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Chí T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị M; Vợ: Huỳnh Thị L; Con: có 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2020; Tiền sự: Không; Tiền án: 01, ngày 24/10/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án số 53/2012/HSST. Chấp hành án tại Trại giam N, tỉnh Quảng Trị đến ngày 23/12/2018 chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích); Nhân thân: ngày 27/7/1996 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có quyết định đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc thời gian 24 tháng chấp hành tại Cơ sở giáo dục Hoàn Cát; ngày 26/01/2000 bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 2 Điều 198 Bộ luật hình sự tại Bản án số 01/HSST (đã được xóa án tích); Ngày 29/7/2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 30 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 12 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp chung cả hai tội là 42 tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại bản án số 01 ngày 26/01/2000 của TAND thị xã H; buộc Nguyễn Văn

D chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 60 tháng tù giam tại Bản án số 31/HSPT. Chấp hành án phạt tù tại trại giam Đồng Sơn đến ngày 10/02/2006 chấp hành xong hình phạt tù (đã được xóa án tích); Ngày 29/01/2010 bị Công an phường T, thành phố H xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 500.000 đồng (đã nộp phạt ngày 12/4/2010); Ngày 10/5/2022 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 15.000.000 đồng về hành vi tàng trữ 01 khẩu súng thuộc công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/11/2021 đến ngày 10/12/2021 được thay biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh đến nay tại phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Chí T, tên gọi khác: T Lơ; Sinh ngày: 01/5/1978; Nơi sinh: thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Tổ dân phố 01, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C và bà: Đặng Thị M; Vợ: Trương Thị Ánh T; Con: có 04, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/01/2000 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 185c Bộ luật hình sự năm 1985 tại Bản án số 09/HSST. Chấp hành án tại Trại giam số 6 đến ngày 02/9/2000 chấp hành xong hình phạt tù (đã chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích); Ngày 23/05/2002 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án số /181/HSST. Chấp hành án tại Trại giam số 6 đến ngày 22/01/2003 chấp hành xong hình phạt tù. (Đã chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích); Ngày 17/5/2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 06 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 tại Bản án số 154/HSST. Chấp hành án tại trại giam số 3 đến ngày 26/9/2009 chấp hành xong hình phạt tù. (Đã thi hành xong bản án, đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/11/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh (có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Hoài N, tên gọi khác: N Còi; Sinh ngày: 06/9/1989; Nơi sinh: thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 08/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không xác định và bà: Nguyễn Thị Hà; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/11/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh (có mặt tại phiên tòa).

* **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1988; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trú tại: Số 04, ngõ 05, đường H, tổ dân phố 7, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Ngọc H; sinh năm

1986; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Số 04, ngõ 05, đường H, tổ dân phố 7, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

Chị Trương Thị Ánh T; sinh năm 1995; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trú tại: Số 04, ngõ 24, đường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

Ngân hàng Thương Mại cổ phần B; Địa chỉ: số 117, đường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Xuân S, sinh năm: 1991; Trú tại: Tổ dân phố 3, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

*** Người làm chứng:** Anh Trịnh Cao C; sinh năm: 1983; Trú tại: Tổ dân phố 9, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

Anh Tăng Ngọc M; sinh năm: 1960; Trú tại: Tổ dân phố 2, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị N; sinh năm: 1968; Trú tại: Tổ dân phố 2, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

Anh Nguyễn Hồng Quyền; sinh năm: 1960; Trú tại: Tổ dân phố 2, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

Bà Trần Thị Thanh; sinh năm: 1950; Trú tại: Tổ dân phố 2, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

Chị Lê Thị Trang; sinh năm: 1988; Trú tại: Tổ dân phố Tân Yên, phường V, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị Đ; sinh năm: 1979; Trú tại: Thôn T, xã V, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

Anh Nguyễn Hoàng Q; sinh năm: 1991; Trú tại: Tổ dân phố 2, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoài Nam:** Ông Nguyễn Khánh T- trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Tỉnh (vắng mặt- có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 14/4/2021 đến tháng 7/2021, Nguyễn Văn D cho anh Nguyễn Ngọc H (sinh năm 1986, trú tại phường B, thành phố H) vay tiền với tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng có thỏa thuận lãi suất là 1.700 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày. Tuy nhiên, sau đó anh H không trả được tiền gốc và lãi cho D nên D nhiều lần tìm H để đòi nợ. Khoảng hơn 18 giờ ngày 29/10/2021, Nguyễn Văn D đến quán của Trịnh Cao C (sinh năm 1983, trú tại phường N, thành phố H, thường gọi là B Xi) ở gần cầu S thuộc phường N, thành phố H thì gặp C đang ngồi cùng với Nguyễn Hoài N, Nguyễn Chí T và Tăng Ngọc M (sinh năm 1960, trú tại phường B, thành phố H). Tại đây, D có nói về việc Nguyễn Ngọc H không chịu trả nợ và ý định sẽ đến tìm H để đòi nợ, nếu không được thì sẽ đánh H. Sau đó D rủ Nguyễn Chí T,

Nguyễn Hoài N, Trịnh Cao C và Tăng Ngọc M đi đòi nợ Nguyễn Ngọc H thì những người này đồng ý. Nguyễn Chí T điều khiển xe ô tô Mitsubishi Attrage màu đỏ, biển kiểm soát: 38A-294.78 chở D, N, C và M đến quán “Lầu Đồi” của Nguyễn Ngọc H tại số nhà 09 ngõ 02 đường X, thuộc phường B, thành phố H. Khi đến nơi, D xuống xe đi vào quán đến chỗ anh Nguyễn Ngọc H đang ngồi và chỉ tay vào mặt anh H yêu cầu anh H phải trả tiền ngay trong đêm còn nếu không thì sẽ phá quán của anh H. D cầm 1 chiếc bát để trên bàn cầm lên định đánh anh H nhằm mục đích để cho anh H sợ và trả tiền nhưng Trịnh Cao C vào can ngăn cầm lấy bát để xuống bàn. Anh H hoảng sợ đứng dậy định rời đi thì T dùng hai tay ấn vai của anh H ngồi xuống ghế. Sau đó cả D, T và Nam ngồi xuống bàn nói chuyện cùng với anh H còn Tăng Ngọc Minh và Trịnh Cao C chỉ đứng ở bên ngoài xem mà không có hành động gì. Lúc này D chửi bới, yêu cầu anh H trả nợ và cho rằng anh H thất hẹn quá nhiều lần, bây giờ không cho nợ nữa và yêu cầu anh H phải trả tiền ngay nếu không sẽ đánh anh H và phá quán. Sau đó T dùng tay phải nắm một cái vào mặt anh H thì anh H hoảng sợ đứng dậy để chạy vào trong quán, D cầm tay kéo anh H lại nhưng anh H vùng chạy được vào phía trong thì D và T đuổi theo. Lúc này, N cầm chiếc ghế nhựa mình đang ngồi đuổi theo đập một phát vào phía sau lưng của anh H nhưng không gây ra thương tích gì và N đe dọa anh H phải trả tiền cho D nếu không sẽ đánh tiếp. D và T đuổi đến chửi bới, đe dọa anh H. Lúc này, chị Nguyễn Thị T (sinh năm 1988, trú tại phường B, thành phố H, là vợ anh H) nhận được thông tin có người đến đánh anh H nên đi đến quán “Lầu Đồi”. Khi chị T về thấy ồn ào lộn xộn, thấy D đang chửi bới mẹ chị T là bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1968, trú tại phường B, thành phố H) và nghe D, T đe dọa nếu không trả tiền thì sẽ đánh anh H và đập phá quán, sẽ ngồi ở quán cho đến khi nào anh H chịu trả tiền thì mới về nên chị T lại nói với D và T là bình tĩnh để nói chuyện chứ sao lại đánh anh H thì D và T tiếp tục chửi bới, đe dọa. Sau đó chị T hỏi D về số tiền anh H nợ thì được D nói là anh H nợ 85.000.000 đồng nhưng bớt cho 5.000.000 đồng còn lại 80.000.000 đồng anh H và chị T phải có trách nhiệm trả cho D trong ngày hôm nay. Chị T xin D bớt cho vì khó khăn thì sau đó D đồng ý cho chị T phải trả nợ 60.000.000 đồng. Sau đó D yêu cầu chị T phải viết giấy vay 60.000.000 đồng mà không cho anh H viết giấy vay đồng thời phải trả ngay cho D 20.000.000 đồng, số còn lại ít ngày nữa trả, nếu không sẽ đánh anh H và đập phá quán. Bà Nguyễn Thị N nói rằng “T không vay tiền nên T không phải viết giấy, H vay tiền D thì phải viết giấy vay” nhưng D không đồng ý mà buộc chị T phải viết giấy vay. Vì lo sợ nếu không viết giấy vay thì D, T, Nam sẽ đánh anh H và đập phá quán, làm ồn ào ảnh hưởng đến việc kinh doanh nên chị T nói với D là hiện tại chỉ có 10.000.000 đồng cho chị T trả trước thì D đồng ý. Sau đó D yêu cầu chị T viết giấy vay tiền với nội dung do D đọc: “Ngày 29/10/2021 T vay của D 60.000.000 đồng, trả trước 10.000.000 đồng, số còn lại hẹn đến 10/11/2021 sẽ trả hết”. Sau đó chị T lấy số tiền 10.000.000 đồng ra đưa cho D thì D đưa tiền cho T đếm. Sau khi đếm đủ số tiền 10.000.000 đồng T đưa lại cho D. D cất tiền và giấy vay vào túi. Sau đó D cùng với T, N, C và M ra về. Số tiền chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T, D tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 03/11/2021, chị T làm đơn trình báo lên Cơ quan điều tra và Cơ quan điều tra đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn D, Nguyễn Chí T và Nguyễn Hoài N. Tại Cơ quan điều tra, D, T, Nam đã khai nhận hành vi

phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 42/CT-VKS-TPHT ngày 31/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Chí T và Nguyễn Hoài Nam về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/11/2022 đến ngày 10/12/2022; Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2021; Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N từ 21 tháng tù đến 27 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2021; Các bị cáo là lao động tự do, bị cáo D bị bệnh nặng, bị cáo T, N hiện đang bị tạm giam, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo; Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn D và số tiền 26.900.000 đồng đây là tài sản và giấy tờ tùy thân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000 đồng trong tổng số tiền 26.900.000 đồng của Nguyễn Văn D để đảm bảo việc thi hành án; trả lại cho Nguyễn Chí T 01 xe ô tô con nhãn hiệu Mitsubishi Attrage màu đỏ, BKS: 38A - 294.78 (trị giá 390.000.000 đồng) thu giữ tại Nguyễn Chí T đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy 01 thanh kim loại màu xám trắng hình trụ tròn dài 1,5m, phía trên có gắn 01 con dao làm bằng kim loại màu đen dài 40cm thu giữ tại Nguyễn Văn D; Áp dụng khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự Tịch thu lưu giữ hồ sơ vụ án: 01 tờ giấy A4 viết bằng mực bút bi màu xanh có nội dung là giấy vay tiền bắt đầu bằng chữ “ Cộng Hòa Xã Hội” và kết thúc bằng chữ “Nguyễn Thị T”; 01 cuốn sổ kẻ ngang nhãn hiệu Hồng Hà, có tổng 298 trang thu giữ tại Nguyễn Văn D; 01 USB bên trong có chứa dữ liệu video vào thời điểm xảy ra hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận, trong phần lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa vắng mặt người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoài N, người bào chữa có đơn xin xét xử vắng mặt và có bài phát biểu quan điểm của người bào chữa gửi cho Tòa án, với nội dung: về tội danh, các tình tiết khác nhất trí với nội dung bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo N. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hoàn cảnh của gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo để xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra, truy tố bị hại chị Nguyễn Thị T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng mà các bị cáo đã chiếm đoạt của chị T. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa các bị cáo đã liên đới bồi thường đầy đủ cho bị hại chị Nguyễn Thị T số tiền 10.000.000 đồng (bị cáo D bồi thường 8.000.000 đồng, bị cáo T 1.000.000 đồng, bị cáo N 1.000.000 đồng). Chị T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Ánh T trình bày: ngày 29/10/2021 anh Nguyễn Chí T (là chồng chị T) có sử dụng chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Mitsubishi Attrage màu đỏ, BKS: 38A - 294.78 là tài sản chung của vợ chồng để chở anh Nguyễn Văn D, Nguyễn Hoài N, Trịnh Cao C và Tăng Ngọc M đến quán “Lẩu Đồi” của anh Nguyễn Ngọc H đòi nợ. Quá trình anh T sử dụng xe để chở những người trên đi đòi nợ chị không được biết. Chiếc xe trên là tài sản chung của vợ chồng hiện đang thế chấp tại ngân hàng Thương Mại cổ phần B– chi nhánh Hà Tĩnh để vay nợ. Vì vậy, chị T có nguyện vọng được xin lại chiếc xe trên.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ngân hàng Thương Mại cổ phần B– chi nhánh Hà Tĩnh trình bày: anh Nguyễn Chí T và chị Trương Thị Ánh Tuyết có vay của ngân hàng Thương Mại cổ phần B– chi nhánh Hà Tĩnh số tiền 330.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 năm, tài sản bảo đảm khoản nợ vay là chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Mitsubishi Attrage màu đỏ, BKS: 38A - 294.78 mang tên Nguyễn Chí T tại hợp đồng tín dụng số M0132/2020/HĐTD-BACABANK ngày 28/7/2020. Hiện nay vợ chồng anh T, chị T mới trả cho ngân hàng được một phần tiền gốc và lãi, dư nợ gốc đến thời điểm hiện tại còn 242.000.000 đồng và tiền lãi. Do hợp đồng chưa đến thời hạn phải trả nợ, quá trình vay nợ vợ chồng không vi phạm về nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng chưa có yêu cầu vợ chồng anh T, chị T phải thanh toán số nợ trên cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Kiểm sát viên và Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về chứng cứ xác định tội danh:

2.1. Tại phiên tòa, Nguyễn Văn D, Nguyễn Chí T và Nguyễn Hoài N khai nhận: trong khoảng thời gian từ 19 giờ đến 19 giờ 30 phút ngày 29/10/2021 tại số nhà 09 ngõ 02 đường Xuân Diệu, thuộc phường B, thành phố H; Nguyễn Văn D, Nguyễn Chí T, Nguyễn Hoài N đã có hành vi đe dọa, chửi bới, và đánh anh Nguyễn Ngọc H;

đe dọa chị Nguyễn Thị T nhằm mục đích buộc chị T phải viết giấy vay nợ Nguyễn Văn D số tiền 60.000.000 đồng. Do bị đe dọa và uy hiếp chị T đã buộc viết giấy vay nợ Nguyễn Văn D 60.000.000 đồng và trả trước cho D số tiền 10.000.000 đồng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của các bị cáo là chửi, đe dọa và đánh anh H, làm cho chị T vợ anh H sợ hãi phải Viết giấy vay nợ các bị cáo và hứa trả nợ thay cho anh H với số tiền 60.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn D tái phạm nguy hiểm. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ kết tội Nguyễn Văn D phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Chí T, Nguyễn Hoài N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

2.2. Trong vụ án này, đối với hành vi Nguyễn Văn D cho anh Nguyễn Ngọc H vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 1.700 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày; quá trình điều tra xác định được mức lãi suất chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không xử lý hành vi cho vay tiền của Nguyễn Văn D là phù hợp.

2.3. Đối với hành vi Nguyễn Chí T và Nguyễn Hoài N đánh anh Nguyễn Ngọc H thì anh H không bị thương tích gì và từ chối giám định thương tích. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với hành vi trên của T và N là đúng quy định pháp luật.

2.4. Đối với anh Trịnh Cao C và anh Tăng Ngọc M là người có mặt lúc xảy ra sự việc nhưng anh C có vào can ngăn và anh M chỉ đứng xem, không tham gia vào việc phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan điều tra không đề cập hình thức xử lý với anh C và anh M là có căn cứ, phù hợp.

2.5. Đối với hành vi Nguyễn Văn D tàng trữ 01 khẩu súng có ký hiệu “ROHM RG88” màu đen và 09 viên đạn mà không có giấy phép sử dụng. Theo Kết luận giám định số 13/KL-PC09-SĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Tĩnh thì khẩu súng trên là súng RG88, thuộc công cụ hỗ trợ, không phải là vũ khí quân dụng và 09 viên đạn là đạn cao su được sử dụng được cho khẩu súng trên. Nguyễn Văn D chưa bị xử phạt hành chính về các hành vi quy định tại Điều 306 Bộ luật hình sự hoặc bị kết án về tội quy định tại Điều 306 Bộ luật hình sự nên Cơ quan điều tra đã đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố H ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi trên là có căn cứ, phù hợp.

2.6. Đối với hành vi Nguyễn Văn D cho một số người vay tiền (được thể hiện trong cuốn sổ tay thu giữ từ D). Quá trình điều tra không xác định được chính xác mức lãi suất cho vay, một số người vay hiện không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ sau là phù hợp.

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

3.1. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Nguyễn Văn D là người khởi xướng và trực tiếp đe dọa, cưỡng ép chị T phải viết giấy vay nợ nên giữ vai trò chính; Nguyễn Chí T, Nguyễn Hoài N giữ vai trò đồng phạm người giúp sức.

3.2. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Chí T, Nguyễn Hoài N không có tình tiết tăng nặng và được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho các bị cáo, bị cáo Nguyễn Văn D hiện đang bị bệnh nặng (xuất huyết tiêu hóa, xơ gan mất bù), bị cáo Nguyễn Chí T có mẹ là người có công với Nước (được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba), bị cáo Nguyễn Hoài N gia đình có hoàn cảnh khó khăn (thuộc hộ cận nghèo) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

3.3. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: bị cáo Nguyễn Văn D là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bản thân bị cáo đang có tiền án, có nhân thân nhiều lần bị kết án. Vì vậy, cần phải xét xử bị cáo một mức án nghiêm minh. Đối với bị cáo Nguyễn Chí T, Nguyễn Văn N là đồng phạm giữ vai trò giúp sức, các bị cáo thực hiện tội phạm không vì mục đích lợi nhuận, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tích cực phối hợp với bị cáo D để khắc phục thiệt hại, người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ cho các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Hoài N thuộc diện hộ cận nghèo. Vì vậy, khi lượng hình cần xem xét xử phạt các bị cáo mức án dưới khung hình phạt cũng đủ nghiêm. Dù xem xét giảm nhẹ đến đâu thì cũng phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo việc răn đe và giáo dục đối với các bị cáo.

[4]. *Về hình phạt bổ sung*: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, bị cáo Nguyễn Văn D đang bị bệnh nặng, các bị cáo T, N hiện đang bị tạm giam, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[5]. *Xét luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa*: là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị đối với Nguyễn Văn D, Nguyễn Chí T, Nguyễn Hoài N là thỏa đáng.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự*: người bị hại chị Nguyễn Thị T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về xử lý vật chứng*: 01 tờ giấy A4 viết bằng mực bút bi màu xanh có nội dung là giấy vay tiền bắt đầu bằng chữ “ Cộng Hòa Xã Hội” và kết thúc bằng chữ “Nguyễn Thị T”; 01 cuốn sổ kẻ ngang nhãn hiệu Hồng Hà, có tổng 298 trang thu giữ tại Nguyễn Văn D; 01 USB bên trong có chứa dữ liệu video vào thời điểm xảy ra hành vi phạm tội (đã được niêm phong) cần tịch thu lưu giữ theo hồ sơ vụ án; 01 thanh kim loại màu xám trắng hình trụ tròn dài 1,5m, phía trên có gắn 01 con dao làm bằng kim loại màu đen dài 40cm thu giữ tại Nguyễn Văn D là tài sản không còn giá trị sử dụng cần tịch thu và tiêu hủy; 01 hộp nhựa hình chữ nhật màu xanh, có chữ “ROHM” có tay cầm, kích thước hộp 16cm x 23cm x 4,5cm bên trong có 01 khẩu súng có ký hiệu “ ROHM RG88” màu đen, bên trong không lắp đạn và 09 viên đạn có kích thước chiều cao 2cm, đường kính 0,9cm thu giữ tại Nguyễn Văn D bị tịch thu

theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 917/QĐ-XPHC ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H nên Hội đồng xét xử không xem xét; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn D và số tiền 26.900.000 đồng thu giữ tại Nguyễn Văn D đây là tài sản và giấy tờ tùy thân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000 đồng trong tổng số tiền 26.900.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn D để đảm bảo việc thi hành án; Đối với 01 xe ô tô con nhãn hiệu Mitsubishi Attrage màu đỏ, BKS: 38A - 294.78 (trị giá 390.000.000 đồng) thu giữ tại Nguyễn Chí T đây là tài sản chung của vợ chồng Nguyễn Chí T và chị Trương Thị Ánh T. Quá trình bị cáo Nguyễn Chí T có điều khiển xe ô tô của gia đình mình chở Nguyễn Văn D, Nguyễn Hoài N, Trịnh Cao C và Tăng Ngọc M đến quán “Lầu Đồi” của Nguyễn Ngọc H tại số nhà 09 ngõ 02 đường X, thuộc phường B, thành phố H với mục đích để đòi nợ anh Nguyễn Ngọc H, lúc này các bị cáo chưa có ý định cưỡng đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị T. Vì vậy, chiếc xe ô tô trên không phải là phương tiện mà các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội cưỡng đoạt tài sản. Hơn nữa, chiếc xe ô tô trên hiện đang được thế chấp tại ngân hàng Thương Mại cổ phần B để đảm bảo cho khoản nợ vay 330.000.000 đồng của vợ chồng Nguyễn Chí T và chị Trương Thị Ánh T tại ngân hàng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ngân hàng Thương Mại cổ phần B cho rằng: hiện nay hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản giữa vợ chồng Nguyễn Chí T, chị Trương Thị Ánh T với ngân hàng đang trong thời hạn thực hiện, vợ chồng không vi phạm quyền và nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng nên ngân hàng chưa khởi kiện buộc vợ chồng trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: cần áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage màu đỏ, BKS: 38A - 294.78 mang tên Nguyễn Chí T cho bị cáo Nguyễn Chí T và chị Trương Thị Ánh T là có căn cứ, phù hợp.

[8]. *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 170; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố **Nguyễn Văn D** phạm tội “**Cưỡng đoạt tài sản**”.

Xử phạt: **Nguyễn Văn D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ 05/11/2021 đến ngày 10/12/2021.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố **Nguyễn Chí T** phạm tội “**Cưỡng đoạt tài sản**”.

Xử phạt: **Nguyễn Chí T 26 (hai mươi sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2021.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố Nguyễn Hoài N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Hoài N 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2021.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu và tiêu hủy 01 thanh kim loại màu xám trắng hình trụ tròn dài 1,5m, phía trên có gắn 01 con dao làm bằng kim loại màu đen dài 40cm thu giữ tại Nguyễn Văn D là tài sản không còn giá trị sử dụng.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn D và số tiền 26.900.000 đồng đây là tài sản và giấy tờ tùy thân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000 đồng trong tổng số tiền 26.900.000 đồng của Nguyễn Văn D để đảm bảo việc thi hành án; trả lại cho bị cáo Nguyễn Chí T và chị Trương Thị Ánh T 01 xe ô tô con nhãn hiệu Mitsubishi Attrage màu đỏ, BKS: 38A - 294.78 mang tên Nguyễn Chí T đây là tài sản chung của vợ chồng không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu lưu giữ hồ sơ vụ án: 01 tờ giấy A4 viết bằng mực bút bi màu xanh có nội dung là giấy vay tiền bắt đầu bằng chữ “ Cộng Hòa Xã Hội” và kết thúc bằng chữ “Nguyễn Thị T”; 01 cuốn sổ kẻ ngang nhãn hiệu Hồng Hà, có tổng 298 trang thu giữ tại Nguyễn Văn D; 01 USB bên trong có chứa dữ liệu video vào thời điểm xảy ra hành vi phạm tội (đã được niêm phong).

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/6/2022 giữa cán bộ Công an thành phố H và cán bộ Chi cục thi hành án dân sự thành phố H).

Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Chí T, Nguyễn Hoài N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND TP Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- CQĐT CATP Hà Tĩnh;
- T.H.A.P.T;
- CQTHADS T.P Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam công an Hà Tĩnh;
- Các bị cáo; bị hại;
- Người bào chữa;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Dũng